

Số: 31/2020/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 13 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính-Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 8374/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.



## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Trẻ em học mầm non và học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An;
- b) Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh Nghệ An quản lý;
- c) Các Sở, ngành, địa phương, tổ chức có liên quan.

## Điều 2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

### 1. Nguyên tắc

a) Các cơ sở giáo dục thực hiện thu đúng, thu đủ; chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản; phải thoả thuận với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện; mức thu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết này.

b) Không áp dụng thu để thuê khoán người nấu ăn đối với học sinh trong các cơ sở giáo dục đã được hỗ trợ theo quy định tại các văn bản: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non và các Nghị quyết có liên quan do HĐND tỉnh ban hành như: Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 quy định chế độ hỗ trợ nhân viên các trường phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông dân tộc nội trú; định mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 quy định về khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trong trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### 2. Danh mục các khoản thu dịch vụ và mức thu:

TT	Danh mục các khoản thu dịch vụ giáo dục	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
<b>1</b>	<b>Dạy học 2 buổi/ngày, dạy thêm học thêm; Học nghề và thi nghề phổ thông</b>		
1.1	Dạy học 2 buổi/ngày hoặc dạy thêm, học thêm cấp học Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Bổ túc Trung học phổ thông (bố trí không quá 45 học sinh/lớp)		
	- Cấp học trung học cơ sở (THCS)	1000đ/HS/tiết dạy	8
	- Cấp học trung học phổ thông (THPT) và bổ túc THPT	1000đ/HS/tiết dạy	10

1.2	Dạy học 2 buổi/ngày hoặc Dạy thêm, học thêm cấp học Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thực hiện thí điểm trường trọng điểm chất lượng cao.	1000đ/HS/tiết dạy	20
1.3	Học nghề và thi nghề phổ thông		
	- Học nghề cấp học bổ túc THPT	1000đ/HS/tiết dạy	10
	- Thi nghề phổ thông	1000đ/HS/đợt thi	200
<b>2</b>	<b>Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục</b>		
2.1	Thu để chi trả tiền thuê khoán người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú các cấp học	1000đ/HS/tháng	200
2.2	Thu để mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú, trong đó:		
	- Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu.	1000đ/HS/năm học	300
	- Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú bị hư hỏng, thay thế những năm tiếp theo.	1000đ/HS/năm học	150
<b>3</b>	<b>Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong các cơ sở giáo dục công lập vào các ngày nghỉ, ngày hè</b>	1000đ/HS/ngày	60
<b>4</b>	<b>Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường</b>		
4.1	Thu để thực hiện các chương trình: tăng cường dạy học, chương trình tăng cường môn Tin học, phát triển năng lực theo môn học; chương trình dạy toán và khoa học bằng tiếng Anh; chương trình giáo dục STEM...; Chương trình giáo dục kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng sống; Chương trình phát triển năng khiếu thể thao ( <i>bơi, bóng đá, bóng rổ, bóng bàn, cầu lông,...</i> ), phát triển năng khiếu nghệ thuật ( <i>âm nhạc, mỹ thuật,...</i> )	1000đ/HS/tiết dạy	25
4.2	Thu để thực hiện dạy ngoại ngữ tăng cường (bố trí không quá 20 học sinh/lớp), trong đó:		
	- Giáo viên là người Việt Nam	1000đ/HS/tiết dạy	40
	- Giáo viên là người Nước ngoài	1000đ/HS/tiết dạy	50
	- Giáo viên là người Bản ngữ	1000đ/HS/tiết dạy	60

5	<b>Dịch vụ phục vụ học sinh</b>		
5.1	Phù hiệu, thẻ học sinh; sổ liên lạc điện tử, thẻ điểm danh thông minh; sổ theo dõi trẻ điện tử ( <i>dùng cho trẻ mầm non</i> )		
	- Phù hiệu, thẻ học sinh	1000đ/HS/năm học	15
	- Sổ liên lạc điện tử, thẻ điểm danh thông minh ( <i>có tích hợp sổ điểm điện tử và học bạ điện tử</i> )	1000đ/HS/năm học	100
	- Sổ theo dõi trẻ điện tử ( <i>dùng cho trẻ mầm non</i> )	1000đ/HS/năm học	40
5.2	Học phẩm phục vụ thi, kiểm tra		
	- Phô tô đề kiểm tra định kì	1000đ/HS/năm học	60
	- Tổ chức thi thử cho học sinh cuối cấp	1000đ/HS/môn thi	50

### Điều 3. Mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học

TT	Nội dung thu dịch vụ tuyển sinh các cấp	Đơn vị tính	Mức thu
1	Thi tuyển vào lớp 10	1000đ/HS/đợt thi	280
2	Phúc khảo thi tuyển sinh lớp 10		
	- Đối với môn thứ nhất	1000đ/HS/môn	135
	- Đối với môn thứ hai trở đi	1000đ/HS/môn	35
3	Thi tuyển sinh vào Trường THPT chuyên Phan Bội Châu	1000đ/HS/đợt thi	650
	- Năm học 2021-2022: thu 50%, NSNN cân đối 50%	1000đ/HS/đợt thi	320
	- Năm học 2022-2023: thu 60%, NSNN cân đối 40%	1000đ/HS/đợt thi	390
	- Năm học 2023-2024: thu 70%, NSNN cân đối 30%	1000đ/HS/đợt thi	450
	- Năm học 2024-2025: thu 80%, NSNN cân đối 20%	1000đ/HS/đợt thi	520
	- Năm học 2025-2026 trở đi thu 100%	1000đ/HS/đợt thi	650
4	Xét tuyển các lớp đầu cấp: Mầm non, tiểu học (lớp 1), trung học cơ sở (lớp 6), trung học phổ thông (lớp 10)	1000đ/HS/đợt xét tuyển	45
5	Xét tuyển Trung học cơ sở có kiểm tra đánh giá năng lực đầu cấp (lớp 6)	1000đ/HS/đợt xét tuyển	200

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này;

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn việc thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục;

b) Quy định tiêu chuẩn của giáo viên dạy ngoại ngữ, điều kiện về cơ sở vật chất cho việc dạy và học ngoại ngữ;

c) Quy định cơ chế thu, sử dụng mức thu, đối tượng miễn giảm mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. /

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Sơn**

